BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG SẢN

(Phục vụ Hội nghị giao ban công tác quý III và 9 tháng đầu năm 2026)

Thực hiện phân công của Bộ về chuẩn bị Hội nghị giao ban công tác quý III và 9 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ trọng tâm các tháng cuối năm 2026, Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan báo cáo chuyên đề về kết quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và kết quả triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

a) Về kế hoạch

Bộ đã ban hành: (1) Kế hoạch triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị (Quyết định số 2843/QĐ-BNNMT ngày 21/7/2026); (2) Kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung quốc gia, nền tảng số dùng chung chuyên ngành nông nghiệp và môi trường (Quyết định số 3256/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2026).

b) Về kiểm tra, đôn đốc

Bộ đã ban hành các văn bản: (1) Công văn số 8381/BNNMT-KHCN ngày 27/7/2026 chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ triển khai thực hiện kết luận tại Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ, Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ và Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW; (2) Công văn số 9343/BNNMT-KHCN ngày 14/8/2026 đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; (3) Công văn số 9374/BNNMT-CĐS ngày 17/8/2026 triển khai thực hiện Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP ngày 29/7/2026 của Ban Chỉ đạo Chính phủ; (4) Công văn số 10779/BNNMT-KHCN ngày 18/9/2026 đôn đốc Cục Chuyển đổi số và các đơn vị khẩn trương thực hiện, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn.

c) Về giám sát

Đảng ủy Bộ đã ban hành Quyết định số 280-QĐ/ĐU ngày 06/8/2026 về giám sát thường xuyên việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đối với các tổ chức đảng, đơn vị trực thuộc trong năm 2026.

d) Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp

Bộ đã tiếp nhận, phối hợp với các Cục chuyên ngành để xử lý và trả lời 13 kiến nghị trên hệ thống.

Tính đến ngày 20/9/2026, Bộ được giao 298 nhiệm vụ; đã hoàn thành 188 nhiệm vụ; không có nhiệm vụ chậm, muộn; còn 110 nhiệm vụ đang thực hiện hoặc thực hiện thường xuyên. Trong đó, 02 nhiệm vụ cần hoàn thành trong tháng 9/2026 gồm: xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp; hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

2. Kết quả về chuyển đổi số

Bộ đã hoàn thành tái cấu trúc 44/44 (100%) thủ tục hành chính thuộc Phụ lục II Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; duy trì kết nối, đồng bộ 12/12 cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành thuộc Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Nghị quyết số 11/NQ-CP với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; ban hành kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg; tiếp tục hoàn thiện hồ sơ 02 dự án trọng điểm về cơ sở dữ liệu và hạ tầng số dùng chung.

a) Cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính

- Bộ tiếp tục triển khai Kế hoạch rà soát, đề xuất phân cấp thủ tục hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính năm 2026.

- Đối với 49 thủ tục hành chính không thuộc phạm vi Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP theo đề xuất của Bộ Công an, Bộ đã rà soát, đề nghị đưa ra khỏi danh mục 26 thủ tục (15 thủ tục đã bị bãi bỏ; 08 thủ tục đã được rà soát, tái cấu trúc; 03 thủ tục không có thành phần hồ sơ có thể cắt giảm); tiếp tục rà soát 23 thủ tục còn lại.

- Bộ đã công bố danh mục 06 thủ tục hành chính thực hiện tái cấu trúc quy trình theo hướng đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm thao tác trên môi trường số tại Quyết định số 2926/QĐ-BNNMT ngày 29/7/2026.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ngành nông nghiệp và môi trường vận hành theo mô hình tập trung từ ngày 01/01/2026; đã tiếp nhận 399.491 hồ sơ, trong đó 386.784 hồ sơ trực tuyến, đạt 96,8%; đã kết nối với 11 cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

b) Hạ tầng số

Bộ đang hoàn thiện hồ sơ 02 dự án: (1) "Hoàn thiện hạ tầng số, an toàn thông tin, nền tảng số dùng chung Bộ Nông nghiệp và Môi trường"; (2) "Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường kết nối liên thông với các bộ, ngành, địa phương; đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia". Bộ tiếp tục duy trì

hạ tầng trung tâm dữ liệu dùng chung, mạng truyền số liệu chuyên dùng và các hệ thống thông tin dùng chung; các trung tâm dữ liệu chính đã được rà soát, hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin cấp độ 3; phân vùng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai đáp ứng cấp độ 4.

c) Nền tảng số dùng chung

Thực hiện Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã ban hành Kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung quốc gia, nền tảng số dùng chung chuyên ngành nông nghiệp và môi trường. Theo Kế hoạch, Bộ triển khai tổng số 24 nền tảng số đến năm 2030, gồm 06 nền tảng số dùng chung và 18 nền tảng số chuyên ngành nông nghiệp và môi trường.

d) Xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Theo các Kế hoạch, Nghị quyết được giao, Bộ cần triển khai 25 cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin. Đến nay, đã có 04 hệ thống thông tin đưa vào khai thác, sử dụng và 21 cơ sở dữ liệu đã được xây dựng, đang tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện.

- Bộ đã hoàn thành kết nối, đồng bộ 12 cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (100%) thuộc Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và các Nghị quyết số 71/NQ-CP, 11/NQ-CP sang Trung tâm Dữ liệu quốc gia; kết quả đã được Bộ Công an ghi nhận tại Biên bản ghi nhớ ngày 06/4/2026.

- Đối với 13 cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin còn lại được giao tại Nghị quyết số 214/NQ-CP, Bộ đã phối hợp với Bộ Công an xây dựng kế hoạch chi tiết, bảo đảm hoàn thành kết nối, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia trong năm 2026.

- Đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai: các địa phương đã cập nhật, làm sạch và đồng bộ hơn 57,7 triệu thửa đất, trong đó 35,16 triệu thửa nhóm 1 đã làm sạch. Sau khi điều chỉnh tiêu chí trường dữ liệu từ ngày 20/7/2026, đến ngày 19/8/2026 đã kết nối, đồng bộ dữ liệu đất đai của 34/34 tỉnh, thành phố với 49.897.140/100.675.623 thửa đất; trong đó 34.908.753 thửa đang được sử dụng và bảo đảm tiêu chí "đúng - đủ - sạch - sống", 14.988.387 thửa cần tiếp tục bổ sung, xác thực để làm đúng, làm đủ, làm sạch.

- Đã kết nối, đồng bộ với C12 hơn 2,43 triệu thửa; kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (C06) hơn 5,5 triệu thửa đất.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược

Theo Quyết định số 808/QĐ-TTg, Bộ chủ trì 03 nhóm nhiệm vụ: (i) Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới; (ii) Vắc xin thú y thế hệ mới; (iii) Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.

Bộ đã ban hành Quyết định số 3122/QĐ-BNNMT ngày 08/8/2026 phê duyệt Kế hoạch phát triển sản phẩm tiềm năng trở thành Thương hiệu quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn đến năm 2030; chỉ đạo triển khai Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 04/8/2026 phê duyệt Đề án "Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược" tại Công văn số 10452/BNNMT-KHCN ngày 14/9/2026.

Tính đến ngày 20/9/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp nhận tổng cộng 55 đề xuất nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược; lựa chọn 10 nhiệm vụ gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định. Bộ Khoa học và Công nghệ đã đánh giá 04/10 hồ sơ, trong đó 02 hồ sơ được Hội đồng liên Bộ chấp nhận; 06 nhiệm vụ còn lại đang được xem xét, thẩm định trong tháng 9/2026.

a) Kết quả thẩm định nhiệm vụ

- Ngày 11/8/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định 03 nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 7054/BNNMT-KHCN ngày 01/7/2026. Có 02 hồ sơ được Hội đồng liên Bộ chấp nhận: "Nghiên cứu ứng dụng chọn giống hệ gen nâng cao tăng trưởng, kháng bệnh gan thận mủ và tỷ lệ sống ở cá tra"; "Phát triển và sản xuất vắc xin sống nhược độc thế hệ mới phòng bệnh Dịch tả lợn Châu Phi có khả năng bảo hộ chéo đối với các chủng virus genotype I/II và genotype II". Theo đó, Bộ đã phê duyệt đặt hàng "Nghiên cứu ứng dụng chọn giống hệ gen nâng cao tăng trưởng, kháng bệnh gan thận mủ và tỷ lệ sống ở cá tra". Đối với nhiệm vụ vắc xin Dịch tả lợn Châu Phi thế hệ mới, mặc dù được Hội đồng liên Bộ chấp nhận, Bộ đã rà soát lại và đề nghị không tiếp tục triển khai.nhiệm vụ chọn giống cá tra kháng bệnh gan thận mủ đã được.

- Nhiệm vụ "Nghiên cứu, sản xuất vắc xin phòng bệnh Lở mồm long móng ở gia súc" không được đề xuất lựa chọn do hồ sơ chưa chứng minh đơn vị làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược để sản xuất vắc xin.

- Ngày 10/9/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định nhiệm vụ "Phát triển công nghệ phôi soma, nuôi cấy bán ngập chìm kết hợp chọn giống hệ gen để chọn tạo giống Keo tai tượng chống chịu bệnh mục ruột" theo đề nghị tại Công văn số 9821/BNNMT-KHCN ngày 26/8/2026; nhiệm vụ được đánh giá không đạt yêu cầu.

b) Đề xuất nhiệm vụ mới

Đợt 2, Bộ đã nhận tổng cộng 34 đề xuất mới từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Bộ; các Hội đồng đã xác định và đề xuất lựa chọn 07 nhiệm vụ. Trong đó, 01 nhiệm vụ đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định; 06 nhiệm vụ đã được hoàn thiện hồ sơ và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định tại Công văn số 10540/BNNMT-KHCN ngày 15/9/2026 và Công văn số 10491/BNNMT ngày 14/9/2026.

Các nhiệm vụ được đề xuất tập trung vào: phát triển giống cây trồng, vật nuôi thế hệ mới bằng công nghệ gen, tế bào và công nghệ sinh học; làm chủ vắc xin thú y thế hệ mới. Đối với nhóm xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, Hội đồng tư vấn của Bộ chưa lựa chọn được nhiệm vụ phù hợp để tổ chức triển khai.

c) Nhiệm vụ do Bộ trưởng đặt hàng, chỉ đạo và sản phẩm công nghệ chiến lược hiện có

- Đối với 02 nhiệm vụ về cây Tớ dày và Sơn tra do Học viện Nông nghiệp Việt Nam đề xuất, Hội đồng tư vấn của Bộ kết luận chưa đáp ứng yêu cầu, tiêu chí của nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược; không đề xuất triển khai theo cơ chế nhiệm vụ công nghệ chiến lược và đã hướng dẫn đơn vị nghiên cứu, hoàn thiện theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ.

- Bộ đã phê duyệt, cấp kinh phí triển khai 02 nhiệm vụ về cây dứa với tổng kinh phí 13,9 tỷ đồng, gồm: nhiệm vụ xử lý phụ phẩm dứa phục vụ phát triển nông nghiệp tuần hoàn, kinh phí 5,9 tỷ đồng, thực hiện giai đoạn 2026-2028; nhiệm vụ chọn tạo giống dứa mới phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, kinh phí 8 tỷ đồng, thực hiện giai đoạn 2027-2031.

- Căn cứ Thông tư số 40/2026/TT-BKHCN ngày 01/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ đã xác định 23 sản phẩm cơ bản đáp ứng tiêu chí sản phẩm công nghệ chiến lược: 13 sản phẩm thuộc nhóm phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới; 02 loại vắc xin và 08 chế phẩm sinh học. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản đã được công bố ngày 30/6/2026 và chính thức đưa vào vận hành thử nghiệm từ ngày 01/7/2026.

d) Khó khăn, hạn chế

- Chất lượng hồ sơ đề xuất của các đơn vị còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu hoặc phải chỉnh sửa nhiều sau khi họp Hội đồng tư vấn của Bộ; nhiều đơn vị đề xuất nhiệm vụ nhưng chưa thực sự làm chủ được công nghệ, nên đề xuất không được các Hội đồng chấp nhận.

- Các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là doanh nghiệp, chưa quan tâm nghiên cứu kỹ các quy định, yêu cầu về phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược để đề xuất nhiệm vụ phù hợp, đáp ứng tiêu chí theo quy định.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC NÔNG SẢN

1. Tổ chức triển khai

Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, tham mưu, báo cáo tiến độ và kết quả tổ chức thực hiện; kết nối, thúc đẩy triển khai các hoạt động. Cục Chuyển đổi số chủ trì duy trì, vận hành Hệ thống, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh, an toàn thông tin, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu. Các Cục quản lý chuyên ngành

có trách nhiệm tổ chức triển khai truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý. Các đơn vị cung cấp giải pháp thực hiện nhập liệu, kết nối dữ liệu với Hệ thống của Bộ.

2. Kết quả xây dựng, vận hành Hệ thống

Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản được công bố ngày 30/6/2026 và chính thức đưa vào vận hành thử nghiệm từ ngày 01/7/2026. Kết quả cập nhật đến ngày 20/9/2026:

- Có 10 doanh nghiệp cung cấp giải pháp công nghệ đã kết nối với Hệ thống của Bộ; 04 doanh nghiệp sản xuất, thương mại nông sản (Thaibinh Seed, Lộc Trời, Masan, Thiên Vương) và 05 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hưng Yên, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Đắk Lắk) đã và đang triển khai kết nối Hệ thống của đơn vị với Hệ thống của Bộ.

- Có 09 doanh nghiệp cung cấp giải pháp công nghệ khác đề nghị kết nối với Hệ thống của Bộ.

- Hệ thống ghi nhận 315.410 sản phẩm của 213 nông hộ và 26 doanh nghiệp tại 17 tỉnh, thành phố đã đăng ký sản phẩm truy xuất nguồn gốc; trong đó 668 sản phẩm của 32 nông hộ và 11 doanh nghiệp tại 09 tỉnh, thành phố đã thực hiện truy xuất nguồn gốc với đầy đủ thông tin.

- Lũy kế dữ liệu do các đơn vị cung cấp giải pháp và các tỉnh, thành phố kết nối, cập nhật vào Hệ thống đến ngày 20/9/2026 đạt 820.723 sản phẩm của 3.030 nông hộ và 208 doanh nghiệp tại 28/34 tỉnh, thành phố; trong đó 158.796 sản phẩm của 48 nông hộ và 20 doanh nghiệp tại 16 tỉnh đã thực hiện truy xuất nguồn gốc.

- Đến ngày 20/9/2026, có 23 địa phương báo cáo tình hình triển khai và đề nghị kết nối với Hệ thống của Bộ; trong đó 16 địa phương có hệ thống dùng chung gồm Tuyên Quang, Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Cà Mau; 07 địa phương chưa có hệ thống gồm Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Gia Lai, Đồng Tháp, Vĩnh Long.

3. Hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và kết nối

- Bộ đã bố trí 40 máy chủ phục vụ triển khai thử nghiệm Hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Các nền tảng txng.mae.gov.vn, mae.txng.gov.vn dành cho người dân và qtrtxng.mae.gov.vn dành cho cơ quan quản lý đã được công bố và đánh giá đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin; đang phát triển ứng dụng cài đặt trên điện thoại di động, thiết bị thông minh.

- Ngày 20/6/2026, Cục Chuyển đổi số ban hành hướng dẫn kỹ thuật về chuẩn kết nối, truyền nhận dữ liệu phiên bản 1.0 tại Công văn số 1094/CĐS-CNS. Chuẩn dữ liệu và chuẩn kết nối tiếp tục được rà soát, hoàn thiện.

- Bộ đã thống nhất kế hoạch kết nối Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản với Nền tảng quốc gia do C12, Bộ Công an xây dựng; đã ban hành Công văn số 8959/BNNMT-KHCN ngày 08/8/2026, phân công nhiệm vụ, lộ trình và thời hạn hoàn thành trước ngày 15/12/2026.

- Hệ thống đã kết nối kỹ thuật với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý; quá trình thử nghiệm và đối soát dữ liệu đã thành công, sản phẩm đã được cấp mã. Công việc tiếp theo là rà soát, xác định các quy trình và sự kiện trọng yếu để tích hợp chính thức.

- Trên cơ sở Báo cáo số 9669/BC-BNNMT ngày 21/8/2026, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 8998/VPCP-NN ngày 04/9/2026 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng, giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ động hướng dẫn các Bộ, cơ quan, địa phương triển khai đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản; yêu cầu hoàn thành tích hợp với Hệ thống của Bộ trong tháng 9/2026.

4. Khó khăn, vướng mắc

a) Về cơ sở pháp lý

- Quy định về truy xuất nguồn gốc hiện bắt buộc đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ nguy cơ rủi ro cao; đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ nguy cơ rủi ro trung bình, rủi ro thấp được khuyến khích áp dụng, nên mức độ tham gia của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế.

- Dự thảo Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đang được Bộ Công an trình Chính phủ xem xét; dự thảo Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về các công đoạn tối thiểu phải khởi tạo chứng chỉ số đang chờ Nghị định nêu trên để có cơ sở hoàn thiện.

- Chưa có cơ chế cụ thể về trách nhiệm, quyền lợi của các doanh nghiệp cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc khi tham gia tổ chức thực hiện.

b) Về tổ chức thực hiện

- Các Cục quản lý chuyên ngành chưa tổ chức triển khai việc truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý.

- Nhiều địa phương mới ban hành kế hoạch nhưng chưa tổ chức triển khai thực chất; đầu mối thực hiện chưa thống nhất; chưa huy động lực lượng khuyến nông, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia; cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa đầy đủ; cán bộ chủ yếu kiêm nhiệm; hoạt động còn tập trung vào giới thiệu, tập huấn, chưa kiểm tra thực tế chuỗi sản xuất và đối chiếu dữ liệu truy xuất nguồn gốc.

- Một số địa phương sau điều chỉnh địa giới hành chính đang tồn tại 02 hệ thống truy xuất nguồn gốc, cần thời gian tích hợp thành một hệ thống dùng chung.

- Người dân, doanh nghiệp còn băn khoăn về chi phí, thời gian thực hiện, hiệu quả kinh tế, việc minh bạch chuỗi sản xuất, nhập liệu và bảo mật thông tin kinh doanh.

c) Về Hệ thống

- Hệ thống của Bộ đang tiếp tục hoàn thiện các hợp phần theo từng chuyên ngành và từng công đoạn; cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa hoàn thiện nên chưa thể liên kết, chia sẻ đầy đủ dữ liệu sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Nhiều địa phương, doanh nghiệp chưa có Hệ thống truy xuất nguồn gốc, nên trước mắt cần sử dụng Hệ thống của các đơn vị cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc, nhưng cần được hướng dẫn sử dụng.

- Cần tiếp tục hoàn thiện tiêu chí kiểm thử, đối soát, xác nhận kết nối; ban hành quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu truy xuất nguồn gốc để các đơn vị thuộc Bộ, địa phương và doanh nghiệp có căn cứ thực hiện.

- Dự án truy xuất nguồn gốc của Bộ chưa được phê duyệt, nên chưa có đủ nguồn lực tổ chức triển khai rộng khắp trên tất cả các lĩnh vực.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Đối với nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW

a) Tiếp tục rà soát tiến độ, đôn đốc thực hiện 110 nhiệm vụ đang triển khai và các nhiệm vụ được giao tiếp; cập nhật kịp thời nhiệm vụ đã hoàn thành, kèm sản phẩm minh chứng, trên hệ thống báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương theo Công văn số 8381/BNNMT-KHCN ngày 27/7/2026, Công văn số 9343/BNNMT-KHCN ngày 14/8/2026 và Công văn số 10779/BNNMT-KHCN ngày 18/9/2026; tăng cường kiểm tra, xác minh kết quả các nhiệm vụ đã báo cáo hoàn thành.

b) Tập trung hoàn thành trong tháng 9/2026 các nhiệm vụ về Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; hoàn thành đủ 19/19 tiêu chí đối với 12 cơ sở dữ liệu trọng yếu trong quý III/2026; đẩy nhanh tiến độ 13 cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin thuộc Nghị quyết số 214/NQ-CP; phấn đấu hoàn thành chuẩn hóa, đối soát, làm sạch tối thiểu 80% dữ liệu đất đai đủ điều kiện đồng bộ trước ngày 30/11/2026 theo Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP.

c) Về công nghệ chiến lược: tham mưu chỉ đạo triển khai 01 nhiệm vụ đã được phê duyệt đặt hàng; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định 06 nhiệm vụ đã gửi; tiếp tục rà soát, lựa chọn các sản phẩm khoa học và công nghệ có tiềm năng đáp ứng tiêu chí sản phẩm công nghệ chiến lược; tổng hợp, đánh giá và đề xuất mới các nhiệm vụ công nghệ chiến lược; hoàn thiện danh mục đề xuất nhiệm vụ thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược được phê duyệt tại Quyết định số 1493/QĐ-TTg ngày 06/8/2026.

d) Tổ chức thực hiện Quyết định số 88/QĐ-BCĐCP ngày 29/7/2026, Quyết định số 2843/QĐ-BNNMT ngày 21/7/2026 và Quyết định số 3256/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2026; tập trung xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, hoàn thiện kiến trúc, chức năng, tính năng kỹ thuật của các nền tảng số và bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu.

2. Đối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản

a) Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định các công đoạn tối thiểu phải thực hiện việc khởi tạo chứng chỉ số trong quá trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sau khi có đủ cơ sở pháp lý.

b) Cục Chuyển đổi số tiếp tục hoàn thiện việc tiếp nhận, quản trị, vận hành Hệ thống; ban hành quy trình quản trị, vận hành, sao lưu, an toàn thông tin, xử lý sự cố; hoàn thiện chuẩn dữ liệu, giao diện kết nối, quy trình kiểm thử, đối soát; hoàn thiện hồ sơ đầu tư và phương án bảo đảm nguồn lực duy trì Hệ thống.

c) Các Cục quản lý chuyên ngành chủ động phối hợp với đơn vị cung cấp giải pháp xây dựng quy trình nghiệp vụ theo sản phẩm, xác định dữ liệu tối thiểu, chủ thể cung cấp, thời điểm ghi nhận và trách nhiệm kiểm tra, xử lý sai lệch; tổ chức triển khai truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý.

d) Tập trung triển khai Công văn số 8998/VPCP-NN ngày 04/9/2026; hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương kết nối, chia sẻ, liên thông, đồng bộ dữ liệu và hoàn thành tích hợp với Hệ thống của Bộ trong tháng 9/2026.

đ) Tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu, mở rộng kết nối với địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị cung cấp giải pháp; bảo đảm an toàn thông tin, khả năng liên thông với các cơ sở dữ liệu có liên quan.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Cục Chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với các Cục quản lý chuyên ngành và Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia tập trung nguồn lực, bảo đảm trước ngày 30/9/2026 hoàn thành: (i) xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp; (ii) kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP về Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Đề nghị duy trì họp định kỳ để đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW, tập trung các nhiệm vụ về xây dựng cơ sở dữ liệu.

2. Các đơn vị thuộc Bộ căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để hoàn thành 09 nhiệm vụ có thời hạn đến ngày 31/12/2026 theo danh mục kèm theo báo cáo.

3. Đối với công nghệ chiến lược: đề nghị chỉ đạo kiểm tra, đánh giá các sản phẩm khoa học và công nghệ hiện có; bố trí kiểm tra thực tế 23 sản phẩm được đánh giá cơ bản đáp ứng tiêu chí sản phẩm công nghệ chiến lược để có cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Đối với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản:

- Vụ Khoa học và Công nghệ làm đầu mối điều phối, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo Lãnh đạo Bộ; chủ trì tham mưu hoàn thiện chính sách về truy xuất nguồn gốc.

- Cục Chuyển đổi số chủ trì tiếp nhận, quản trị, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin và kết nối kỹ thuật; phối hợp thống nhất chuẩn dữ liệu, chỉ tiêu báo cáo, tiêu chí kiểm thử và xác nhận kết nối; hoàn thiện hồ sơ đầu tư, xác định nhu cầu kinh phí vận hành, bảo trì, nâng cấp Hệ thống.

- Các Cục chuyên ngành chủ trì xây dựng, hướng dẫn quy trình truy xuất nguồn gốc theo sản phẩm; xác định yêu cầu và chịu trách nhiệm về dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với địa phương, doanh nghiệp tổ chức triển khai theo chuỗi.

- Vụ Pháp chế phối hợp rà soát căn cứ pháp lý, thẩm quyền và hình thức văn bản, bảo đảm việc triển khai không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc yêu cầu ngoài quy định.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tham mưu nguồn và phương án bố trí kinh phí trên cơ sở đề xuất của Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dự án có hợp phần truy xuất nguồn gốc, bảo đảm đúng quy định và duy trì hoạt động liên tục của Hệ thống.

- Đề nghị các địa phương lựa chọn sản phẩm, chuỗi ưu tiên, tổ chức triển khai và kết nối dữ liệu với Hệ thống của Bộ.

Phụ lục 1
DANH MỤC 02 NHIỆM VỤ CÓ THỜI HẠN HOÀN THÀNH NGÀY 30/9/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp. (Mã nhiệm vụ: 121_NVLN_BCĐCP)	Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026	30/9/2026	Cục Chuyển đổi số	Các Cục quản lý chuyên ngành có liên quan; Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia
2	Các bộ, cơ quan chủ quản hoàn thành kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 11/NQ-CP về Trung tâm Dữ liệu quốc gia; đối với 08 cơ sở dữ liệu trọng yếu chưa đáp ứng đầy đủ 19/19 tiêu chí, từng bộ chủ quản có kế hoạch, lộ trình, mốc hoàn thành cụ thể trong quý III/2026; đối với cơ sở dữ liệu trọng yếu đã đạt, tiếp tục duy trì, cập nhật, kết nối, khai thác hiệu quả. (Mã nhiệm vụ: NV004_TB329)	Thông báo số 329/TB-VPCP ngày 24/6/2026	30/9/2026	Cục Chuyển đổi số	Các Cục quản lý chuyên ngành có liên quan; Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia

Phụ lục 2
DANH MỤC 09 NHIỆM VỤ CÓ THỜI HẠN HOÀN THÀNH NGÀY 31/12/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ xây dựng CSDL quốc gia, chuyên ngành để tạo lập, kết nối chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC, DVCTT và phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành dứt điểm trong năm 2026.	Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025	31/12/2026	Cục Chuyển đổi số	Các Cục quản lý chuyên ngành có liên quan; Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia
2	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp thông suốt, hiệu quả.	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	31/12/2026	Các Cục trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ	Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục Chuyển đổi số và các đơn vị liên quan
3	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026	31/12/2026	Cục Chuyển đổi số	Các Cục quản lý chuyên ngành có liên quan; Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia
4	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026	31/12/2026	Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia	Cục Chuyển đổi số
5	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026	31/12/2026	Cục Quản lý đất đai	Cục Chuyển đổi số

TT	Tên nhiệm vụ	Văn bản giao	Thời hạn	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	Nghiên cứu xây dựng, vận hành hiệu quả Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản bảo đảm liên thông với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp (bao gồm sản phẩm thực phẩm chế biến với quy mô công nghiệp).	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	31/12/2026	Cục Chuyển đổi số	Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; các đơn vị liên quan thuộc Bộ và các doanh nghiệp đồng hành
7	Xây dựng, kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành theo mô hình tập trung.	Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026	31/12/2026	Cục Chuyển đổi số	Các Cục quản lý chuyên ngành và các đơn vị có liên quan
8	Phối hợp Văn phòng Chính phủ kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu về Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành trong quý IV/2026.	Thông báo số 167/TB-VPCP ngày 02/4/2026	31/12/2026	Cục Chuyển đổi số	Văn phòng Bộ; các Cục quản lý chuyên ngành và các đơn vị có liên quan
9	Triển khai thực hiện phương án xử lý các cơ sở vật chất, tài sản công (nhà, đất) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bị dôi dư sau khi thực hiện quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính theo Nghị quyết số 18-NQ/TW.	Thông báo số 148/TB-VPCP ngày 23/3/2026 (Công văn số 5245/BNNMT-KHCN ngày 25/5/2026)	31/12/2026	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các Cục quản lý chuyên ngành và các đơn vị có liên quan